SỞ Y TẾ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
**TTYT THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# DANH SÁCH ĐĂNG KÝ NGƯỜI HÀNH NGHỀ TẠI TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ

1. Tên cơ sở : Trung tâm Y tế thị xã Hương Trà

2. Địa chỉ: Số 1 Trần Đăng Khoa, phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế

3. Thời gian hoạt động: 24/24 giờ

**4. Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh**

| Stt | Họ và tên | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Lê Quang Hiệp | 000434/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ sản, | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Giám đốc, Khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu, CSSKSS, GMHS, Ngoại |
| | | 56/QĐ-SYT | Khám bênh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa gây mê hồi sức | | |
| 2 | Ngô Văn Vinh | 004405/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Phó giám đốc, Khoa Khám bệnh, Truyền nhiễm |
| 3 | Trần Hữu Quang | 0001286/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh hệ Nội Nhi | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ, Khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu |
| | | 55/QĐ-SYT | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | | |
| 4 | Nguyễn Xuân Việt | 12/2012/CCHN-SYT | Đủ tiêu chuẩn để mở: Nhà thuốc | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực | Phó trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ, phụ trách nghiệp vụ Dược |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 5 | Đoàn Thị Thu Nga | 0001333/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách hộ sinh trung học, theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính) | Nhân viên phòng.KH-NV, Khoa Khám bệnh - HSCC, Nội soi |
| 6 | Phan Thị Minh Thùy | 001323/TTH-CCHN | Thực hiện phạm vị hoạt động chuyên môn hộ sinh, theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Phó trưởng phòng điều dưỡng, Khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu, Nội soi |
| 7 | Trần Duy Kiến | 0001399/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Nội | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Trưởng khoa, Khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu |
| | | 619/QĐ-TTYT | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tâm thần kinh | | |
| 8 | Đặng Thị Thúy Oanh | 0001411/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách điều dưỡng đại học, theo Quyết định số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Điều dưỡng trưởng khoa, Khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu |
| 9 | Nguyễn Văn Mạnh | 0002754/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu, GMHS |
| | | 93/QĐ-SYT | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức | | |
| 10 | Nguyễn Thị Thu Sương | 003667/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu, Nội nhi, Truyền nhiễm |
| 11 | Trần Thị Ái Hằng | 001309/TTH-CCHN | Thực hiện phạm vị hoạt động chuyên môn điều dưỡng, theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 12 | Đặng Thị Mỹ Huệ | 0002994/TTH-CCHN | Thực hiện phạm vị hoạt động chuyên môn điều dưỡng theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu |
| 13 | Lê Thị Trâm | 0001311/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách điều dưỡng trung học, theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu |
| 14 | Nguyễn Thị Hiếu | 003296/TTH-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn điều dưỡng, theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên |
| 15 | Nguyễn Thị Nhân | 001407/TTH-CCHN | Thực hiện phạm vị hoạt động chuyên môn điều dưỡng, theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu |
| 16 | Lê Viết Ngân | 004352/TTH-CCHN | Thực hiện phạm vị hoạt động chuyên môn điều dưỡng, theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu |
| 17 | Phan Nguyễn Ái Ngọc | 003685/TTH-CCHN | Thực hiện phạm vị hoạt động chuyên môn điều dưỡng, theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 18 | Nguyễn Thị Thúy Hằng | 0001408/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách điều dưỡng trung học, theo Quyết định số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu |
| 19 | Nguyễn Thị Linh | 0002957/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách điều dưỡng trung học, theo Quyết định số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu |
| 20 | Trần Lưu Quế | 0001285/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh hệ Nội Nhi | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Trưởng khoa, Khoa Nội - Nhi, KB-HSCC, Truyền nhiễm |
| | | 63/QĐ-SYT | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | | |
| | | 619/QĐ-TTYT | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tâm thần kinh | | |
| 21 | Đinh Thị Vân | 001295/TTH-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn điều dưỡng, theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Điều dưỡng trưởng khoa, Khoa Nội - Nhi |
| 22 | Trương Thị Thùy Nhung | 0002342/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách điều dưỡng trung học, theo Quyết định số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Nội - Nhi |
| 23 | Lê Thị Lành | 0001314/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách điều dưỡng cao đẳng, theo Quyết định số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Nội - Nhi |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 24 | Ngô Thị Quỳnh Như | 004326/TTH-CCHN | Thực hiện phạm vị hoạt động chuyên môn điều dưỡng, theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Nội - Nhi |
| 25 | Phan Thị Tuyết Chi | 004477/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Nội Nhi, KB-HSCC, T.Nhiễm |
| 26 | Phan Thị Hiền Nhi | 0001296/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách điều dưỡng cao đẳng, theo Quyết định số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Nội - Nhi |
| 27 | Dương Thị Thu Hằng | 005039/TTH-CCHN | Thực hiện phạm vị hoạt động chuyên môn điều dưỡng, theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Nội - Nhi |
| 28 | Nguyễn Văn Vinh | 0001398/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Ngoại | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Trưởng khoa, Ngoại tổng hợp, KB-HSCC |
| 29 | Trương Giao | 005132/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Ngoại tổng hợp, Khoa Liên CK |
| | | 2042/QĐ-TTYT | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng | | |
| 30 | Nguyễn Thị Xuân Lan | 0001404/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách điều dưỡng trung học, theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực | Nhân viên, Khoa Ngoại tổng hợp |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 31 | Nguyễn Thị Hồng Nhung | 004625/TTH-CCHN | Thực hiện phạm vị hoạt động chuyên môn điều dưỡng, theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Ngoại tổng hợp |
| 32 | Tống Thị Hoài Nhung | 001403/TTH-CCHN | Thực hiện phạm vị hoạt động chuyên môn điều dưỡng, theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Ngoại tổng hợp |
| 33 | Trần Thị Thúy | 0001293/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách điều dưỡng trung học, theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Ngoại tổng hợp |
| 34 | Trần Thị Như Thủy | 003963/TTH-CCHN | Thực hiện phạm vị hoạt động chuyên môn điều dưỡng, theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Ngoại tổng hợp |
| 35 | Hồ Thị Thu | 003302/TTH-CCHN | Thực hiện phạm vị hoạt động chuyên môn điều dưỡng, theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Ngoại tổng hợp |
| 36 | Huỳnh Thị Thanh Hải | 0002443/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Trưởng khoa, Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản, KB-HSCC, T.Nhiễm |
| | | 471/QĐ-SYT | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 37 | Nguyễn Thị Kim Chi | 0001412/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách hộ sinh đại học, theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Phó trưởng khoa, Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản |
| 38 | Lê Thị Thu Nguyệt | 0001329/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách hộ sinh đại học, theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Điều dưỡng trưởng khoa, Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản |
| 39 | Lê Thị Xuân Sang | 004002/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản. Khoa KB-HSCC, TN, khoa Liên chuyên khoa |
| | | 615/QĐ-TTYT | Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Mắtt tại khoa Liên chuyên khoa | | |
| 40 | Lê Thị Thường Trang | 001331/TTH-CCHN | Thực hiện phạm vị hoạt động chuyên môn điều dưỡng, theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản |
| 41 | Nguyễn Thị Như Thành | 0001332/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách hộ sinh trung học, theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản |
| 42 | Hoàng Thị Bích Huyền | 0001328/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách hộ sinh trung học, theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 43 | Trịnh Thị Thu Hường | 0001324/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách hộ sinh trung học, theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản |
| 44 | Lê Thị Thú | 0001322/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách hộ sinh trung học, theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản |
| 45 | Trần Công Lĩnh | 0001283/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Trưởng khoa, Khoa Truyền nhiễm. Khoa KB-HSCC, Nội Nhi |
| | | 58/QĐ-SYT | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Truyền nhiễm | | |
| 46 | Nguyễn Thị Kim Phượng | 001304/TTH-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn điều dưỡng, theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Điều dưỡng trưởng khoa, Khoa Truyền nhiễm |
| 47 | Lê Thị Mai Hương | 003668/TTH-CCHN | Khám bênh, chữa bệnh đa khoa | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Truyền nhiễm. Khoa KB-HSCC, Nội Nhi |
| 48 | Dương Thị Thu | 0001313/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách điều dưỡng trung học, theo Quyết định số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Truyền nhiễm |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 49 | Nguyễn Thị Hà | 001719/TTH-CCHN | Thực hiện phạm vị hoạt động chuyên môn điều dưỡng, theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Truyền nhiễm |
| 50 | Đặng Thị Phương Thảo | 0001306/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách điều dưỡng trung học, theo Quyết định số 41/2005/QĐ -BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Truyền nhiễm |
| 51 | Trần Thị Mỹ Hương | 0001312/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách điều dưỡng trung học, theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Truyền nhiễm |
| 52 | Lê Thị Ánh Tuyết | 0001400/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Gây mê hồi sức | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Trưởng khoa, Khoa Gây mê - Hồi sức, KB-HSCC |
| 53 | Nguyễn Thị Mến | 0001310/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách điều dưỡng trung học, theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Điều dưỡng trưởng khoa, Khoa Gây mê - Hồi sức |
| 54 | Phan Thị Thu Hà | 0001406/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách điều dưỡng trung học, theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Gây mê - Hồi sức |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 55 | Nguyễn Thị Hồng Nhi | 0001409/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách điều dưỡng trung học, theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Gây mê - Hồi sức |
| 56 | Lê Thị Loan | 0001401/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách điều dưỡng trung học, theo Quyết định số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Gây mê - Hồi sức |
| 57 | Nguyễn Văn Tư | 000432/TTH-CCHN | Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, Tai Mũi Họng, | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Phó trưởng khoa, Khoa Liên chuyên khoa, XN-CĐHA, Ngoại , CSSKSS, Truyền nhiễm |
| | | 61/QĐ-SYT | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | | |
| | | 1082/QĐ-TTYT | Khám bệnh chữa bệnh bằng chẩn đoán hình ảnh | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | |
| 58 | Bùi Nguyễn Quang Vũ | 0001315/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách điều dưỡng cao đẳng, theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Điều dưỡng trưởng khoa, Khoa Liên chuyên khoa |
| 59 | Đỗ Tài | 003485/TTH-CCHN | Khám bệnh chữa bệnh đa khoa | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên,, Khoa Liên chuyên khoa, Ngoại, CSSKSS, Truyền nhiễm |
| | | 1374/QĐ-TTYT | Khám bệnh chữa bệnh Răng hàm mặt tại khoa Liên chuyên khoa | | |
| | | 614/QĐ-TTYT | Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Mắtt tại khoa Liên chuyên khoa | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 60 | Ngô Thanh Tài | 0002773/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách điều dưỡng cao đẳng, theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Liên chuyên khoa |
| | | 1010/QĐ-TTYT | Đo khúc xạ | | |
| 61 | Võ Thị Thu Ny | 003192/TTH-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn điều dưỡng, theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuậ y. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Liên chuyên khoa |
| 62 | Lê Thị Huyền Trang | 0002781/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách điều dưỡng trung học, theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Liên chuyên khoa |
| 63 | Lê Thị Diệm | 0001307/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách điều dưỡng trung học, theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Liên chuyên khoa |
| 64 | Võ Thị Mỹ Thuận | 004571/TTH-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn điều dưỡng, theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Liên chuyên khoa |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 65 | Trần Thị Diễm Châu | 004240/TTH-CCHN | Thực hiện phạm vị hoạt động chuyên môn điều dưỡng, theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Liên chuyên khoa |
| 66 | Lê Nguyễn Hồng Anh | 0001282/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Trưởng khoa, Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng |
| 67 | Trần Thị Bé | 0001334/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch KTV Trung học chuyên ngành VLTL-PHCN, theo Thông tư 23/2009/TT-BYT ngày 01/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức kỹ thuật y học | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Điều dưỡng trưởng khoa, Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng |
| 68 | Nguyễn Thị Ngọc Giao | 0001410/TTH-CCHN | Thực hiện phạm vị hoạt động chuyên môn điều dưỡng, theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu |
| 69 | Trần Thanh Minh | 001785/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng |
| | | 1178/QĐ-SYT | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng | | |
| 70 | Phạm Hữu Hiến | 001786/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 71 | Nguyễn Văn Sĩ | 000144/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng |
| 72 | Lê Thị Hân | 003975/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng |
| 73 | Lê Thị Thảo | 0001288/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng |
| | | 39/QĐ-TTYT | Thực hiện các dịch vụ kỹ thuật phục hồi chức năng | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính) | |
| 74 | Đinh Văn Dũng | 0001289/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng |
| 75 | Nguyễn Đình Thanh | 0001335/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch KTV đại học chuyên ngành Hình ảnh y học, theo Thông tư 23/2009/TT-BYT ngày 01/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức kỹ thuật y học | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Phó trưởng khoa, Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh |
| 76 | Phan Văn Cương | 004397/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa XN-CĐHA, Khoa Ngoại, CSSKSS, Liên chuyên khoa. T.nhiệm |
| | | 1373/QĐ-TTYT | Khám bệnh, chữa bệnh chẩn đoán hình ảnh tại khoa XN-CĐHA | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 77 | Hồ Thị Hà | 0001336/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch KTV Trung học chuyên ngành Xét nghiệm, theo Thông tư 23/2009/TT-BYT ngày 01/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức kỹ thuật y học | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Điều dưỡng trưởng khoa, Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh |
| 78 | Nguyễn Thị Thú | 0002802/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh, KB-HSCC, Nội nhi, Truyền nhiễm |
| | | 339/QĐ-SYT | Chuyên khoa xét nghiệm | | |
| 79 | Nguyễn Văn Đôn | 001339/TTH-CCHN | Chuyên khoa xét nghiệm | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh |
| 80 | Trần Ngọc Sử | 000436/TTH-CCHN | Chuyên khoa xét nghiệm | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh |
| 81 | Trần Thị Thu Thủy | 0001340/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch KTV Trung học chuyên ngành Xét nghiệm, theo Thông tư 23/2009/TT-BYT ngày 01/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức kỹ thuật y học | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh |
| 82 | Võ Thị Ngọ | 0001051/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch KTV Trung học chuyên ngành Xét nghiệm, theo Thông tư 23/2009/TT-BYT ngày 01/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức kỹ thuật y học | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 83 | Nguyễn Thị Thanh Dung | 000870/TTH-CCHN | Chuyên khoa xét nghiệm | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh |
| 84 | Hoàng Ngọc Bảo | 004904/TTH-CCHN | Kỹ thuật viên hình ảnh | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên, Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh |
| 85 | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh | 0001299/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách điều dưỡng trung học, theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính) | Phó trưởng khoa, Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn |
| 86 | Nguyễn Thị Hoa Lê | 001301/TTH-CCHN | Thực hiện phạm vị hoạt động chuyên môn của điều dưỡng, theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Điều dưỡng trưởng khoa, Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn |
| 87 | Trần Bá Hạnh | 426/TTH-CCHND | Đủ tiêu chuẩn hành nghề dược các hình thức tổ chức kinh doanh thuốc sau: Quầy thuốc | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính) | Nhân viên, Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn |
| 88 | Trà Thành Nhân | 14/2010/CCHN-SYT | Đủ tiêu chuẩn để mở: Nhà thuốc | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính) | Trưởng khoa, Khoa Dược - Trang thiết bị - VTYT |
| 89 | Hoàng Tấn Tùng Chinh | 15/2009/CCHN-SYT | Đủ tiêu chuẩn để mở: Quầy thuốc, Đại lý bán thuốc | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính) | Hành chính khoa, Khoa Dược - Trang thiết bị - VTYT |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 90 | Dương Vĩnh Khánh | 06/2013/CCHN-SYT | Đủ tiêu chuẩn để mở: Nhà thuốc | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính) | Nhân viên, Khoa Dược - Trang thiết bị - VTYT |
| 91 | Võ Thị Hồng Hạnh | 09/2009/CCHN-SYT | Đủ tiêu chuẩn để mở: Quầy thuốc, Đại lý bán thuốc. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính) | Nhân viên, Khoa Dược - Trang thiết bị - VTYT |
| 92 | Lê Thị Lành | 339/TTH-CCHND | Đủ tiêu chuẩn hành nghề dược các hình thức tổ chức kinh doanh thuốc sau: Quầy thuốc | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính) | Nhân viên, Khoa Dược - Trang thiết bị - VTYT |
| 93 | Cao Thị Thanh Huệ | 73/TTH-CCHND | Đủ tiêu chuẩn hành nghề dược các hình thức tổ chức kinh doanh thuốc sau: Quầy thuốc, Đại lý bán thuốc. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính) | Nhân viên, Khoa Dược - Trang thiết bị - VTYT |
| 94 | Mai Thị Hồng Duyên | 57/TTH-CCHND | Đủ tiêu chuẩn hành nghề dược các hình thức tổ chức kinh doanh thuốc sau: Quầy thuốc, Đại lý bán thuốc. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính) | Nhân viên, Khoa Dược - Trang thiết bị - VTYT |
| 95 | Lê Thị Quang Minh | 003639/TTH-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn điều dưỡng, theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên hợp đồng, Khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu, khoa Liên chuyên khoa |
| | | 1011/QĐ-TTYT | Đo khúc xạ | | |
| 96 | Đặng Thị Thu Vân | 004987/TTH-CCHN | Phát hiện và xử trí các bệnh thông thường, xử trí ban đầu một số trường hợp cấp cứu tại cộng đồng. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Nhân viên, Khoa Kiểm soát bệnh tật-ATTP |
| 97 | Cao Ngọc Minh | 005084/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răn Hàm Mặt | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Nhân viên hợp đồng, Khoa Liên CK TMH,RHM,Mắt |

**5 Danh sách đăng ký người làm việc**

| Stt | Họ và tên | Văn bằng chuyên môn | Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí làm việc |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Hoàng Thị Ngọc Trâm | CKI Y tế công cộng | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Trưởng khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn |
| 2 | Lê Thị Hoài | Cử nhân Y tế công cộng | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Phòng Kế hoạch-Nghiệp vụ |
| 3 | Trần Thanh Vũ | Cao đẳng tin học | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Phòng Kế hoạch-Nghiệp vụ |
| 4 | Nguyễn Tú | Y Sỹ đa khoa | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính) | Nhân viên khoa Ngoại tổng hợp |
| 5 | Nguyễn Quốc Phòng | Bác sĩ CKI YTCĐ | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Trưởng khoa Kiểm soát bệnh tật-An toàn thực phẩm |
| 6 | Dương Thị Thanh Thảo | Cử nhân Y tế công cộng | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Phó trưởng khoa Kiểm soát bệnh tật-An toàn thực phẩm |
| 7 | Dương Thị Hà | Cử nhân điều dưỡng phụ sản | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Hành chính khoa Kiểm soát bệnh tật-An toàn thực phẩm |
| 8 | Lê Đình Tuấn | Cử nhân Y tế công cộng | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Khoa Kiểm soát bệnh tật-ATTP |
| 9 | Trần Thị Ngân | Bác sỹ Y học dự phòng | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Khoa Kiểm soát bệnh tật-ATTP |
| 10 | Trần Thị Thanh Hà | Hộ sinh trung học | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Khoa Kiểm soát bệnh tật-ATTP |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 11 | Hồ Xuân Vĩnh | Bác sĩ đa khoa | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Khoa Kiểm soát bệnh tật-ATTP |
| 12 | Đinh Tiên Hoàn | Y sĩ đa khoa | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Khoa Kiểm soát bệnh tật-ATTP |
| 13 | Thái Thị Kim Cúc | Hộ sinh CĐ | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Khoa Kiểm soát bệnh tật-ATTP |
| 14 | Lê Thị Kiều Oanh | Cao đẳng hộ sinh | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Khoa Kiểm soát bệnh tật-ATTP |
| 15 | Hoàng Nữ Thu San | Kỹ sư công nghệ thực phẩm - sinh học | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Khoa Kiểm soát bệnh tật-ATTP |
| 16 | Hà Hoàng Kiều Nhi | Cử nhân Khoa học môi trường | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Trưởng phòng Tổ chức-Hành chính |
| 17 | Hồ Xuân Anh | Cử nhân kế toán | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Phó trưởng phòng, Phòng Tổ chức-Hành chính |
| 18 | Hoàng Tăng Phái | Cử nhân Văn thư - lưu trữ | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Phòng Tổ chức-Hành chính |
| 19 | Hồ Đại Thắng | Lái xe | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Phòng Tổ chức-Hành chính |
| 20 | Thái Thanh Hùng | Lái xe | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Phòng Tổ chức-Hành chính |
| 21 | Nguyễn Xuân Thanh | Nhân viên kỹ thuật | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính) | Phòng Tổ chức-Hành chính |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 22 | Trần Quang Mẫn | Bảo vệ | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Phòng Tổ chức-Hành chính |
| 23 | Nguyễn Ánh | Hộ lý | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Phòng Tổ chức-Hành chính |
| 24 | Nguyễn Khoa Úy | Bảo vệ | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Phòng Tổ chức-Hành chính |
| 25 | Nguyễn Thị Linh Đa | Cử nhân kế toán | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Trưởng phòng Tài chính-Kế toán |
| 26 | Lê Thị Thùy Nhung | Cử nhân Tài chính ngân hàng | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Phòng Tài chính-Kế toán |
| 27 | Hồ Thị Ngọc Nhung | Cử nhân kinh tế | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Phòng Tài chính-Kế toán |
| 28 | Hoàng Thị Thạnh | Cử nhân kinh tế | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Phòng Tài chính-Kế toán |
| 29 | Trần Thị Chơi | Cử nhân kế toán | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Phòng Tài chính-Kế toán |
| 30 | Trần Giang Đông | Trung cấp kế toán | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Phòng Tài chính-Kế toán |
| 31 | Phạm Ngọc Hoàng | Kỹ sư trang thiết bị y tế | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Nhân viên, Khoa Dược-TTB-VTYT |
| 32 | Dương Thị Nữ | Cử nhân Y tế công cộng | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Phòng Dân số-Kế hoạch hóa gia đình |
| 33 | Phan Nhật Tân | Cử nhân kinh tế | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Phòng Dân số-Kế hoạch hóa gia đình |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 34 | Hà Thị Thu Ngân | Hộ sinh trung học | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Phòng Dân số-Kế hoạch hóa gia đình |
| 35 | Trần Thị Kiều Trâm | Cử nhân kinh tế | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Phòng Dân số-Kế hoạch hóa gia đình |
| 36 | Dương Thị Nhi | Cử nhân điều dưỡng phụ sản | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Phòng Dân số-Kế hoạch hóa gia đình |
| 37 | Phan Thị Mến | Hộ lý | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản |
| 38 | Trần Thị Hiền | Hộ lý | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Khoa Truyền nhiễm |
| 39 | Nguyễn Thị Hoài | Hộ lý | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn |
| 40 | Nguyễn Thị Thúy Hòa | Hộ lý | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn |
| 41 | Hoàng Thị Hồng Yến | Hộ lý | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn |
| 42 | Hoàng Thị Phụng | Hộ lý | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Khoa Khám bệnh-Hồi sức cấp cứu |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Thị Hạnh | Trung cấp Kế toán | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính) | Chuyên trách dân số |

**DANH SÁCH ĐĂNG KÝ NGƯỜI HÀNH NGHỀ TẠI TRẠM Y TẾ HƯƠNG VÂN THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ**

1. Tên cơ sở : Trạm Y tế Hương Vân

2. Địa chỉ: phường Hương Vân, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế

3. Thời gian hoạt động: 24/24 giờ

**4. Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh**

| Stt | Họ và tên | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Võ Minh Kỳ | 000043/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh hệ Nội Nhi. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Trưởng Trạm y tế |
| 2 | Hồ Thị Mỹ Hằng | 0002765/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách hộ sinh trung học, theo Thông tư 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên |

# DANH SÁCH ĐĂNG KÝ NGƯỜI HÀNH NGHỀ TẠI TRẠM Y TẾ TỨ HẠ
# THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ

1. Tên cơ sở : Trạm Y tế Tứ Hạ

2. Địa chỉ: phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Thời gian hoạt động: 24/24 giờ

## 4. Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

| Stt | Họ và tên | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Lê Thị Thanh Hương | 0002772/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách hộ sinh đại học, theo thông tư 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Phó trưởng Trạm y tế |
| 2 | Từ Thị Hiền | 0002810/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên |
| 3 | Trương Văn Hợp | 004452/TTH-CCHN | Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sỹ, bác sỹ y học dự phòng, y sỹ | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên |
| 4 | Trần Thị Tám | 0002826/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách hộ sinh trung học, theo Thông tư 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên |

## 5. Danh sách đăng ký người làm việc

| Stt | Họ và tên | Văn bằng chuyên môn | Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí làm việc |
|---|---|---|---|---|

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Lê Chiêu Anh Hiền | 004549/TTH-CCHN | Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sỹ, bác sỹ y học dự phòng, y sỹ | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên |
| 4 | Trần Thị Hương Lan | 001745/TTH-CCHN | Thực hiện phạm vị hoạt động chuyên môn điều dưỡng, theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên |
| 5 | Trần Mậu Nhật | 0002757/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên |

## 5. Danh sách đăng ký người làm việc

| Stt | Họ và tên | Văn bằng chuyên môn | Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí làm việc |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Văn Hùng | Trung cấp Kế toán | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính) | Chuyên trách dân số |

**DANH SÁCH ĐĂNG KÝ NGƯỜI HÀNH NGHỀ TẠI TRẠM Y TẾ HƯƠNG VĂN**
**THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ**

1. Tên cơ sở : Trạm Y tế Hương Văn

2. Địa chỉ: phường Hương Văn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế

3. Thời gian hoạt động: 24/24 giờ

**4. Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh**

| Stt | Họ và tên | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Trần Xuân Lịch | 002813/TTH-CCHN | Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sỹ, bác sỹ y học dự phòng, y sỹ | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Phó trưởng Trạm y tế |
| 2 | Lê Thị Ngọc Bích | 0002825/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách hộ sinh trung học, theo Thông tư 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên |
| 3 | Ngô Văn Hùng | 0002805/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên |
| 4 | Nguyễn Thị Thái Hiền | 0002771/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách hộ sinh trung học, theo Thông tư 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 5 | Đoàn Thị Như Ngọc | 004757/TTH-CCHN | Phát hiện và xử lý các bệnh thông thường; xử trí ban đầu một số trường hợp cấp cứu tại cộng đồng. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Nhân viên |

**5. Danh sách đăng ký người làm việc**

| Stt | Họ và tên | Văn bằng chuyên môn | Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí làm việc |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Đặng Thị Mỹ Nhi | Trung cấp Kế toán | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính) | Chuyên trách dân số |

## DANH SÁCH ĐĂNG KÝ NGƯỜI HÀNH NGHỀ TẠI TRẠM Y TẾ HƯƠNG XUÂN THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ

1. Tên cơ sở : Trạm Y tế Hương Xuân

2. Địa chỉ: phường Hương Xuân, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế

3. Thời gian hoạt động: 24/24 giờ

**4. Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh**

| Stt | Họ và tên | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Thị Thanh Phương | 0002821/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách hộ sinh trung học, theo Thông tư 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Phó trưởng Trạm y tế |
| 2 | Võ Trần Hùng | 0002809/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Nguyễn Xuân Việt | 004548/TTH-CCHN | Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sỹ, bác sỹ y học dự phòng, y sỹ | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên |
| 4 | Hồ Thị Kim Thủy | 0002782/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách điều dưỡng trung học, theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên |
| 5 | Nguyễn Thị Thu Hiền | 0002763/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách hộ sinh trung học, theo Thông tư 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên |
| 6 | Nguyễn Thị Thu Lượng | 1359/CCHN-D-SYT-TTH | Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của quầy thuốc | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Nhân viên |

## 5. Danh sách đăng ký người làm việc

| Stt | Họ và tên | Văn bằng chuyên môn | Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí làm việc |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Thị Huệ | Trung cấp Kế toán | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính) | Chuyên trách dân số |

**DANH SÁCH ĐĂNG KÝ NGƯỜI HÀNH NGHỀ TẠI TRẠM Y TẾ HƯƠNG TOÀN**
**THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ**

1. Tên cơ sở : Trạm Y tế Hương Toàn

2. Địa chỉ: xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế

3. Thời gian hoạt động: 24/24 giờ

**4. Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh**

| Stt | Họ và tên | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Phạm Văn Lại | 0002752/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Trưởng Trạm y tế |
| 2 | Văn Nữ Tố Tâm | 0002814/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách điều dưỡng trung học, theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên |
| 3 | Trần Công Huy | 0002760/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên |
| 4 | Dương Thị Huê | 0002780/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách điều dưỡng sơ học, theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên |
| 5 | Nguyễn Thị Ái Mỹ | 0002768/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách hộ sinh trung học, theo Thông tư 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 6 | Dương Thị Minh Trang | 78/TTH-CCHND | Đủ tiêu chuẩn hành nghề Dược các hình thức tổ chức kinh doanh thuốc sau: Quầy thuốc, Đại lý bán thuốc. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Nhân viên |

**5. Danh sách đăng ký người làm việc**

| STT | Họ và tên | Văn bằng chuyên môn | Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí làm việc |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Hà Thị Bích Toàn | Cử nhân Hóa | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính) | Chuyên trách dân số |

## DANH SÁCH ĐĂNG KÝ NGƯỜI HÀNH NGHỀ TẠI TRẠM Y TẾ HƯƠNG CHỮ THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ

1. Tên cơ sở : Trạm Y tế Hương Chữ

2. Địa chỉ: phường Hương Chữ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế

3. Thời gian hoạt động: 24/24 giờ

**4. Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh**

| Stt | Họ và tên | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Thị Kim Huệ | 0002803/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Trưởng Trạm y tế |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 2 | Lê Quang Tuấn | 0002808/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên |
| 3 | Trần Thị Kim Anh | 0002820/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách hộ sinh trung học, theo Thông tư 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên |
| 4 | Hoàng Thị Lệ Uyên | 003471/TTH-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn điều dưỡng, theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên |

**5. Danh sách đăng ký người làm việc**

| Stt | Họ và tên | Văn bằng chuyên môn | Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí làm việc |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Lê Thị Như Hà | Dược sĩ trung học | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính) | Công tác dược |

## DANH SÁCH ĐĂNG KÝ NGƯỜI HÀNH NGHỀ TẠI TRẠM Y TẾ BÌNH THÀNH THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ

1. Tên cơ sở : Trạm Y tế Bình Thành

2. Địa chỉ: xã Bình Thành, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế

3. Thời gian hoạt động: 24/24 giờ

## 4. Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

| Stt | Họ và tên | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Tôn Thất Việt Hùng | 0002753/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Trưởng Trạm y tế |
| 2 | Trần Văn Nghĩa | 003861/TTH-CCHN | Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sỹ, bác sỹ y học dự phòng, y sỹ | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên |
| 3 | Trần Thị Thuận | 0002779/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách điều dưỡng cao đẳng, theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên |
| 4 | Hoàng Văn Ngọc | 0002761/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên |
| 5 | Nguyễn Thị Thu | 0002963/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên |
| 6 | Phan Thị Ngọc Ánh | 003684/TTH-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn điều dưỡng, theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên |

**5. Danh sách đăng ký người làm việc**

| Stt | Họ và tên | Văn bằng chuyên môn | Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí làm việc |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Trương Thị Kiều My | Trung cấp chính trị | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Chuyên trách dân số |

## DANH SÁCH ĐĂNG KÝ NGƯỜI HÀNH NGHỀ TẠI TRẠM Y TẾ HƯƠNG BÌNH THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ

1. Tên cơ sở : Trạm Y tế Hương Bình

2. Địa chỉ: xã Hương Bình, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế

3. Thời gian hoạt động: 24/24 giờ

**4. Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh**

| Stt | Họ và tên | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đặng Duy Thoàng | 0002750/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Y học Gia đình | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Trưởng Trạm y tế |
| 2 | Nguyễn Thị Ngọc Hạnh | 003559/TTH-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn điều dưỡng, theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Trần Thị Ánh Ngọc | 003400/TTH-CCHN | Thực hiện phạm vị hoạt động chuyên môn hộ sinh theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên |
| 4 | Võ Huy Nhật Trường | 0002758/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên |

**5. Danh sách đăng ký người làm việc**

| Stt | Họ và tên | Văn bằng chuyên môn | Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí làm việc |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Phan Thị Hồng Ngọc | Trung cấp Kế toán | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). | Chuyên trách dân số |

## DANH SÁCH ĐĂNG KÝ NGƯỜI HÀNH NGHỀ TẠI TRẠM Y TẾ BÌNH TIẾN THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ

1. Tên cơ sở : Trạm Y tế Bình Tiến

2. Địa chỉ: xã Bình Tiến, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế

3. Thời gian hoạt động: 24/24 giờ

**4. Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh**

| Stt | Họ và tên | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí chuyên môn |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Võ Quang Nhẫn | 0002749/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Trưởng Trạm y tế |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 2 | Trương Thị Minh Trâm | 0002829/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền. | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên |
| 3 | Nguyễn Thị Nết | 0002766/TTH-CCHN | Thực hiện chức trách hộ sinh trung học, theo Thông tư 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính). Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong các phiên trực. | Nhân viên |

## 5. Danh sách đăng ký người làm việc

| Stt | Họ và tên | Văn bằng chuyên môn | Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Vị trí làm việc |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Dương Thị Ánh Nguyệt | Hộ sinh sơ cấp | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính) | Nhân viên |
| 2 | Lê Thị Hằng | Trung cấp lý luận Chính trị-Hành chính | Từ thứ 2-6 hàng tuần (theo giờ hành chính) | Chuyên trách dân số |

*Hương Trà, ngày 01 tháng 11 năm 2022*

**GIÁM ĐỐC**

SỞ Y TẾ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ

**Lê Quang Hiệp**